

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11A/2022/HS-ST

Ngày 23 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Mạnh

Ông Lê Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022;

Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn B; Sinh ngày: 10/10/1970; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh T; Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo : Không; Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); Gia đình 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Lê Thị S, sinh năm 1975; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 22/11/2021 đến 25/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: Lê Văn Đ; Sinh ngày: 06/3/1986

Giới tính: Nam Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: phố Tân Cộng, phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo : Không; Con ông: Lê Văn D và bà Lê Thị H (đã chết); Gia đình 03 anh chị em, bị can là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, từ 22/11/2021 đến 25/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Phạm Văn C; Sinh ngày: 10/3/1985;

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Triệu xá 1, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh T. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo : Không; Con ông: Phạm Văn Thành (đã chết) và bà Trần Thị Nghinh, sinh năm 1957; Nguyễn Thị Hiền; Gia đình 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Lê Thị Thanh, sinh năm 1988; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, từ 22/11/2021 đến 25/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hữu V, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm C, phường Đ, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/11/2021, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C đều là lái xe công trường đang thi công san lấp mặt bằng xây dựng dự án Khu đô thị Sao Mai ở khu phố 11, thị trấn Sao Vàng, huyện T ăn cơm cùng nhau tại công trường. Sau khi ăn cơm xong Nguyễn Văn B rủ mọi người đánh bài ăn tiền, Q, Đ, C đồng ý. Cả bốn đối tượng thống nhất lên cabin xe ô tô BKS 29H-384.75 do anh Q điều khiển đang dừng đỗ tại bãi đất trống trong khu vực công trường để đánh bài. Hình thức chơi là đánh “phỏm”, thắng thua mỗi ván làбет mất 30.000đ, ba mất 20.000đ, nhì mất 10.000đ, người nhất được lấy cả số tiền trên. Nếu người бет bị móm mất 40.000đ cho người nhất và nếu người nhất thắng “ù” sẽ được lấy của những người còn lại mỗi người 50.000đ. Sau đó Q lấy bộ bài có sẵn trong cabin xe mang ra chơi. Các đối tượng đánh bài đến 14 giờ 40 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang. Thu giữ tại nơi đánh bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; số tiền 6.340.000đ; 01 xe ô tô BKS 29H-384.75. Thu trên người Nguyễn Văn

B số tiền 3.500.000đ. Quá trình điều tra các đối tượng đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình và thừa nhận tổng số tiền 9.840.000đ Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang là toàn bộ tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể số tiền từng đối tượng sử dụng như sau: Nguyễn Văn Q có 700.000đ và vay thêm của Nguyễn Văn B 1.500.000đ, tổng Q sử dụng 2.200.000đ; Nguyễn Văn B có 7.310.000đ, sau khi cho Q và Đ vay còn 4.310.000đ B sử dụng để đánh bạc; Lê Văn Đ có 330.000đ và vay thêm của Nguyễn Văn B 1.500.000đ, tổng Đ sử dụng 1.830.000đ; Phạm Văn C sử dụng 1.500.000đ.

Ngày 29/11/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 247 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T giám định số tiền thu giữ 9.840.000 gồm 74 tờ tiền polymer Việt Nam là tiền giả hay tiền thật. Tại Bản kết luận giám định số 1655/PC09 ngày 08/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận 74 tờ tiền polymer Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

* Về đồ vật, tài liệu thu giữ của vụ án:

- 01 xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu “TRƯỜNG GIANG”, biển kiểm soát 29H-384.75, đã qua sử dụng, xác định không phải là vật chứng của vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lê Hữu V ngày 06/12/2021 là đúng theo quy định của pháp luật;

- Vật chứng của vụ án: 52 cây bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 9.840.000 đồng (*Chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTX ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C đều thừa nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng nêu là đúng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt đề nghị:

- Về hình phạt chính:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ,

huyện Y giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn Đ .

Xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND phường Đông Tân, thành phố T nhận được bản án, Quyết định thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ trước đó 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36 Điều 58 đối với bị cáo Phạm Văn C.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 06(sáu) đến 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã Đ, huyện Đ nhận được bản án, Quyết định thi hành án của Tòa án, được trừ thời gian tạm giữ trước đó 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ, C theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền VNĐ: 9.840.000 đồng; Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, xin được giảm nhẹ mức hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C đều thành khẩn nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài

liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong phần tranh luận các bị cáo đều chấp nhận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát và đều thừa nhận có tội đúng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Tổng số tiền bị lực lượng Công an huyện T thu tại nơi đánh bạc và thu trên người các bị cáo là 9.840.000 đồng (*Chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền tham gia đánh bạc như sau: Thu giữ tại nơi đánh bạc số tiền 6.340.000.000đ, thu giữ tiền liên quan đến việc đánh bạc trong người Nguyễn Văn B 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra các đối tượng đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình và thừa nhận tổng số tiền 9.840.000đ Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang là toàn bộ tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể số tiền từng đối tượng sử dụng như sau: Nguyễn Văn Q có 700.000đ và vay thêm của Nguyễn Văn B 1.500.000đ, tổng Q sử dụng 2.200.000đ; Nguyễn Văn B có 7.310.000đ, sau khi cho Q và Đ vay còn 4.310.000đ B sử dụng để đánh bạc; Lê Văn Đ có 330.000đ và vay thêm của Nguyễn Văn B 1.500.000đ, tổng Đ sử dụng 1.830.000đ; Phạm Văn C sử dụng 1.500.000đ.

Tổng số tiền mà các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc bị lực lượng Công an thu tại nơi đánh bạc và trên người các bị cáo và được Hội đồng xét xử nhận định số tiền đánh bạc trong vụ án là 9.840.000đ (Chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng. Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C: đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Ban đầu chỉ là giải trí cho vui, dần càng dần sâu vì cay cú, ăn thua, làm cho nhiều gia đình mâu thuẫn, đánh lộn lẫn nhau, tan cửa, mất nhà. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của từng bị cáo, nhất là đối với bị cáo có vai trò chính, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét vai trò, vị trí và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất chặt chẽ, nên chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn B là khởi xướng việc đánh bạc, trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 4.310.000 đồng, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Lê Văn Đ, trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.830.000 đồng, nên xếp bị cáo Đ ở vai trò thứ 2 trong vụ án.

Bị cáo Phạm Văn C tham gia đánh bạc với số tiền 1.500.000đồng nên xếp ở vai trò thứ ba trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân, lý lịch các bị cáo và hướng xử lý đối với các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào, các bị cáo không có tiền án tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn B có nơi cư trú rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ và xét có khả năng tự cải tạo vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đ, C có nơi cư trú rõ ràng và xét có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo có quá trình khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tiền án tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quy đổi theo cách tính cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2021 đến ngày 25/11/2021 là 03 ngày, được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ;

Hiện tại các bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thấp và không xác định được mức thu nhập, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, có đơn trình bày hoàn cảnh nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lê Văn Đ, Phạm Văn C.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây thu giữ khi bắt quả tang là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng đánh bạc, không còn giá trị, không sử dụng được, nên cần tịch thu và tiêu hủy; số tiền VNĐ: 6.340.000 đồng là tiền thu giữ được tại nơi các bị cáo ngồi đánh bạc và số tiền 3.500.000 đồng trên người Nguyễn Văn B, được xác định là tiền dùng đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với anh Lê Hữu V giao xe ô tô biển kiểm soát 29H - 384 75 cho Nguyễn Văn Q quản lý nhưng anh V không biết việc Q dùng xe để cho các bị cáo đánh bạc. Do đó không có căn cứ để xử lý. Đối với Nguyễn Văn Q, trong quá trình giải quyết vụ án Q đã chết ngày 07/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo là đúng quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về Q kháng cáo: các bị cáo được Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn B 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo Lê Văn Đ 8 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 7 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam

giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND phường Đông Tân, thành phố T, tỉnh T để theo dõi, quản lý, giáo dục theo quy định. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Bị cáo Phạm Văn C 7 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ 03 ngày, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 6 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Đ để theo dõi, quản lý, giáo dục theo quy định. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.840.000đ tiền các bị cáo đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây bài đã qua sử dụng Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 36 ngày 27/01/2022.

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Lê Văn Đ, Phạm Văn C, mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về Q kháng cáo:

Các bị cáo có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Hồng Đức

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Hồng Đức